TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2017.
"V/v Tranh chấp ly hôn, cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Đến.

2. Ông Thạch Khởi Nghĩa.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Dương Khởi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*: ông Cao Minh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Trường C, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 02/02/2017, nguyên đơn là Đỗ Trường C trình bày: giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 04 năm 2015. Trong quá trình chung sống có con chung tên Đỗ Xuân P, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2016. Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết: nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn; về con chung đồng ý giao con cho bị đơn và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung là có nhưng không yêu cầu mà đồng ý giao cho bị đơn và nợ chung không có.

Trong bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2017, bị đơn Lê Thị H trình bày: bị đơn và nguyên đơn Đỗ Trường C có kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì có con chung như lời trình bày của nguyên đơn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do nguyên đơn có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nên nay bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, về con chung bị đơn yêu cầu nuôi và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 3.000.000 đồng, về tài sản chung và nợ chung là có nhưng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung nguyên đơn đồng ý giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi; về tài sản chung có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn, về con chung bị đơn yêu cầu nuôi và yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung có nhưng không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định

Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp. Hai người kết hôn với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do bị đơn hay ghen tuông dẫn đến xô xát làm cho vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra anh chị đã ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Theo bị đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do nguyên đơn quan hệ với người phụ nữ khác. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa anh C và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C với chị H.

Về con chung: có một con chung là cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2016. Hiện nay cháu Đỗ Xuân P đang ở với chị Lê Thị H. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Đỗ Trường C thống nhất với chị Lê Thị H giao con chung là cháu Đỗ Xuân P cho chị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa chị H và anh C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao con chung là cháu Đỗ Xuân P, sinh ngày 06 tháng

01 năm 2016 cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh Đỗ Trường C có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Nguyên đơn trình bày đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Bị đơn trình bày mức thu nhập hàng tháng của nguyên đơn là cao, việc nuôi dưỡng con chung tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là nơi có mức sống cao nên cần phải cấp dưỡng mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng. Xét, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả chị H và anh C. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho cháu Đỗ Xuân P có cuộc sống đảm bảo cũng như phát triển bình thường. Hội đồng xét xử cần xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi người để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp với thực tế. Tuy mức sống ở thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là cao nhưng mức cấp dưỡng cũng phải phù hợp với mức thu nhập của nguyên đơn, nguyên đơn là công nhân công tác tại Điện lực huyện Cầu Ngang có mức thu nhập hàng tháng bằng 4.800.000 đồng (Theo công văn số 1949/PCTV-TCNS của Công ty Điện lực tỉnh Trà Vinh ngày 25 tháng 4 năm 2017) vì vậy mức cấp dưỡng do nguyên đơn đưa ra là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn anh Đỗ Trường C cấp dưỡng cho cháu Đỗ Xuân P mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2017 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: anh C và chị H trình bày là có nhưng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: anh C trình bày không có, chị H trình bày là có nhưng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn anh Đỗ Trường C là người khởi kiện nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: anh Đỗ Trường C và chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Đỗ Trường C.

Tuyên xử cho anh Đỗ Trường C được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Xuân P cho chị Lê Thị H nuôi dưỡng. Buộc anh Đỗ Trường C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng 1.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 06 năm 2017 cho đến cháu P tròn 18 tuổi. Anh Đỗ Trường C có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn Đỗ Trường C phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008827 ngày 02 tháng 01 năm 2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, anh C không phải nộp tiếp. Về án phí cấp dưỡng, anh Đỗ Trường C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: anh Đỗ Trường C và chị Lê Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

Phạm Hoàng Nguyên